TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2018/HNGĐ- PT.
Ngày: 25/9 /2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Kiều T .***
Các Thẩm phán: ***Bà Mai Vân A***
Bà Lê Thúy L
Thư ký phiên toà: ***Ông Trần Minh H*** - Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H ***: Bà Nguyễn Mai T****- KSV*

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H , xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 140/2018/TLPT - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: ly hôn .

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2018/ HNGĐ - ST, ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2018/QĐPT – HNGĐ ngày 4 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: ***Anh Nguyễn Thế Đ ,*** sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm Hống, cụm 6, thôn Phan L, xã Tân H , huyện Đ , H (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: ***Chị Nguyễn Thị C ,*** (tên gọi khác: T) sinh năm 1983

ĐKHKTT: Xóm Hồng, cụm 6, thôn Phan Long, xã Tân H , huyện Đ , H (Có mặt tại phiên tòa)

Nơi ở: Số 24, ngõ 114 đường Quang T , phường Đại M , quận N, H (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thế Đ trình bày:

- Về tình cảm: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị C trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H , huyện Đ , H ngày 11/8/2015.

Quá trình sau khi kết hôn anh và chị C sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, mỗi người một tính cách, không nhường nhịn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm vào tháng 10/2017 anh và chị C mâu thuẫn nên chị C cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở. Từ khi chị C và các con về nhà ngoại thì anh có đến thăm con thường xuyên, tháng 3/2018 chị C và các con ra ở ngoài quận Hà Đông đến nay . Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên anh xin ly hôn chị C để giải phóng cho cả hai người.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị C có 02 con chung là Nguyễn Thế H (nam), sinh ngày 3/7/2015 và Nguyễn Thế T (nam), sinh ngày 23/12/2016. Hiện hai cháu đang ở với chị C . Ly hôn anh Đ có nguyện vọng nuôi cả hai cháu Nguyễn Thế H và Nguyễn Thế T . Anh không yêu cầu chị C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về tình cảm: Chị xác định về thời gian và điều kiện kết hôn, tình trạng cuộc sống chung vợ chồng như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không quan tâm đến vợ con, khi các cháu còn nhỏ hay ốm đau cũng như những lúc các cháu khỏe. Ngoài ra anh Đ không tu chí làm ăn, mải chơi, thường xuyên đi qua đêm và không tôn trọng gia đình nhà vợ. Nay anh Đ xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 2 con chung như anh Đ trình bày. Khi ly hôn chị cũng có nguyện vọng nuôi cả hai cháu H , T và đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng/cháu

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác nhận không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2018/ HNGĐ – ST, ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định như sau :

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xử: *1. Về tình cảm*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thế Đ . Anh Nguyễn Thế Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị C (tên gọi khác: T)

***2. Về con chung*:** Anh Nguyễn Thế Đ và chị Nguyễn Thị C có 02 con chung là Nguyễn Thế H (nam), sinh ngày 3/7/2015 và Nguyễn Thế T (nam), sinh ngày 23/12/2016.

Giao hai cháu Nguyễn Thế H và Nguyễn Thế T cho chị Nguyễn Thị C nuôi cho đến khi cháu H , cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Thế Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng với chị Nguyễn Thị C mỗi tháng 1.500.000đồng/cháu (hai cháu là 3.000.000đồng/tháng). Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 7/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Thế Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản

***3. Về tài sản chung và nợ chung*:** Không có nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Thế Đ kháng cáo bản án về giao nuôi con và trợ cấp nuôi con sau ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Anh Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo về việc giao người nuôi con sau ly hôn. Chị C không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của anh Đ trong thời hạn Luật định. Tại phiên tòa chị C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, anh Đ giữ yêu cầu kháng cáo về việc giao người nuôi con và trợ cấp nuôi con sau ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 81 luật Hôn nhân gia đình, giao hai con chung cho chị C nuôi dưỡng. Anh Đ cấp dưỡng 1.500.000đồng/tháng. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ . Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thế Đ trong thời hạn Luật định nên được coi là hợp lệ.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị C kết hôn với anh Nguyễn Thế Đ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H , huyện Đ , H ngày 11/8/2015 là hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình " *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau chia sẻ ...vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau* ". Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời thừa nhận của anh chị tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân từ hơn một năm nay anh chị mất lòng tin đối với nhau, không có sự tôn trọng trong cuộc sống hàng ngày, đã ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó thể hiện mâu thuẫn đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ , chị C là có căn cứ phù hợp với điều 19, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Đ và chị C có 02 con chung là Nguyễn Thế H (nam), sinh ngày 3/7/2015 và Nguyễn Thế T (nam), sinh ngày 23/12/2016.

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Nguyễn Thế H (nam), sinh ngày 3/7/2015 và Nguyễn Thế T (nam), sinh ngày 23/12/2016 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng/cháu (hai cháu là 3.000.000đồng/tháng) và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng giao hai con chung để anh nuôi dưỡng, chị C không kháng cáo, chị đồng ý án sơ thẩm giao cả hai cháu cho chị nuôi. Xét yêu cầu xin nuôi con của anh Đ , Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng của anh Đ là chính đáng thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái nhưng việc giao con cho ai nuôi căn cứ vào quyền lợi của đứa trẻ và khả năng nuôi con của mỗi bên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ căn cứ vào khoản 3 điều 81 luật hôn nhân gia đình là con dưới 36 tháng tuổi về nguyên tắc giao cho mẹ nuôi mà còn căn cứ vào khả năng nuôi con cũng như việc chăm sóc các cháu của chị C để giao con cho chị C nuôi dưỡng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Hiện tại sức khỏe các cháu tốt phát triển bình thường, đang theo học ổn định. Tuy nhiên, anh Đ cũng có đủ điều kiện nuôi con và thu nhập ổn định, bên cạnh đó anh đang sống cùng bố mẹ đẻ và ông bà đều có nguyện vọng chăm sóc cháu nội cũng như hỗ trợ về điều kiện vật chất để anh Đ nuôi con. Tại thời điểm xét xử phúc thẩm cháu H đã trên 36 tháng tuổi nên giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình hợp lý cũng như phù hợp pháp luật, phù hợp điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Thu nhập của anh chị cũng tương đương nhau nên cả hai không phải đóng góp phí tổn nuôi con cho nhau

Về tài sản chung: (Động sản và bất động sản) và nợ: Anh chị không yêu cầu tòa giải quyết nên tòa không xét

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 56, 81,82 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quôc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thế Đ .

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2018/ HNGĐ – ST, ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc giao người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và quyết định như sau:

1. Về tình cảm : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ . Anh Nguyễn Thế Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị C (tên gọi khác: T)

2. Về con chung: Xác nhận anh Đ và chị C có 02 con chung là Nguyễn Thế H (nam), sinh ngày 3/7/2015 và Nguyễn Thế T (nam), sinh ngày 23/12/2016.

Giao cháu Nguyễn Thế H (nam), sinh ngày 3/7/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thế T (nam), sinh ngày 23/12/2016 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản:

* Động sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

* Bất động sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về nợ: Anh chị không yêu cầu Toà giải quyết nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005913 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ . Anh Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Trả lại anh Đ 300.000đồng tạm ứng án phí (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010059 ngày 9/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/9/2018.

Nơi nhận:

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm

- TAND huyện Đ
- VKSND TP H .
- Đương sự. Nơi ĐKKH
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kiều T